

ÔN LUYỆN KIỂM TRA GIỮA KỲ II - MÔN TOÁN 3

Họ và tên: Lớp:

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Câu 1: Chu vi hình chữ nhật có chiều dài 25 m và chiều rộng 15 m là:

- A. 80 m B. 40 m C. 70 m D. 60 m

Câu 2: Khi làm tròn số 8 752 đến hàng trăm, ta được số:

- A. 8 700 B. 8 800 C. 9 000 D. 8 750

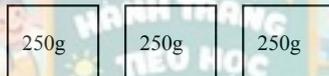
Câu 3: Số thích hợp điền vào ô trống là: $6\ 281 = 6\ 000 + \boxed{?} + \boxed{?} + 1$

- A. 200; 80 B. 20; 80 C. 200; 8 D. 2; 8

Câu 4: Số 19 trong hệ chữ số La Mã được viết là:

- A. XVII B. XIX C. XXI D. IXX

Câu 5: Có 3 gói kẹo, mỗi gói nặng 250 g. Tổng khối lượng là:



- A. 750 g B. 1 kg C. 500 g D. 750 kg

Câu 6: Số liền trước của số 4 500 là:

- A. 4 501 B. 4 499 C. 4 400 D. 4 490

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1. Đúng ghi Đ, sai ghi S (1 điểm):

Số gồm 3 nghìn và 7 đơn vị viết là 3 007.

Làm tròn số 5 238 đến hàng trăm ta được 5 300.

Một hình vuông có cạnh 5 cm thì chu vi là 20 cm.

Bài 2. Đặt tính rồi tính (2 điểm):

$3524 + 4187$

$7283 - 4536$

1204×8

$9630 : 6$

Bài 3 (1 điểm). Cho các số: 8 532; 8 235; 8 523; 8 325

a) Thứ tự từ bé đến lớn:

b) Số bé nhất: Số lớn nhất:

Bài 4. Tính giá trị biểu thức (1 điểm):

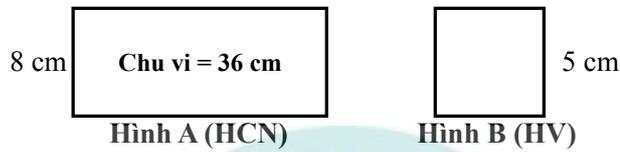
a) $7000 - 1200 \times 5 = \dots\dots\dots$

b) $(2400 + 3600) : 4 = \dots\dots\dots$

c) $1400 \times 3 + 800 = \dots\dots\dots$

d) $6400 : (4 : 2) = \dots\dots\dots$

Bài 5 (1 điểm). Giải bài toán theo hình vẽ sau:



Diện tích hình chữ nhật A:	Chu vi hình vuông B:
--	--

Bài 6 (1 điểm). Một cửa hàng có 6 bao đường, mỗi bao nặng 1 200 g. Cửa hàng đã bán đi 4 000 g đường. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu gam đường?

Bài giải

.....

.....

.....

.....